

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Dự thảo

THUYẾT MINH
DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN xxxx:xxxx (ISO 3163:2022)
DU LỊCH MẠO HIỂM – TỪ VỰNG

Đơn vị thực hiện: Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam

Hà Nội, năm 2026

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Dự thảo

THUYẾT MINH
DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN xxxx:xxxx (ISO 3163:2022)
DU LỊCH MẠO HIỂM – TỬ VỤNG

Đơn vị thực hiện: Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam

Xác nhận của cơ quan chủ trì



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Mai Thị Thùy Hương

Trưởng Ban biên soạn

Trần Thị Tuyết Mai

Hà Nội, năm 2026

THUYẾT MINH DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

1. Tên gọi tiêu chuẩn quốc gia:

Du lịch mạo hiểm – Từ vựng (Adventure tourism - Vocabulary)

[xây dựng trên cơ sở chấp nhận hoàn toàn tương đương ISO 3163:2022
Adventure tourism – Vocabulary]

2. Thành viên ban biên soạn

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong Ban
1	ThS. Trần Thị Tuyết Mai	Viện NCPT Du lịch (nay là Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch VN)	Trưởng Ban
2	TS. Đỗ Thị Thanh Hoa	Viện NCPT Du lịch (nay là chuyên gia du lịch)	Thành viên chính
3	ThS. Nguyễn Thị Lan Hương	Viện NCPT Du lịch (nay là Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch VN)	Thành viên chính
4	ThS. Nguyễn Hoàng Mai	Viện NCPT Du lịch (nay là Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch VN)	Thành viên chính
5	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	Viện NCPT Du lịch (nay là Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch VN)	Thành viên chính
6	ThS. Hoàng Hoa Quân	PTP.Phòng QL Lữ hành- Cục Du lịch QG VN	Thành viên
7	ThS. Trương Thị Thu Hương	Phòng Quản lý Lữ hành- Cục Du lịch QG VN	Thành viên
8	Hà Thúy Phượng	Phòng HTQT Cục Thể dục Thể thao	Thành viên
9	Nguyễn Nữ Huyền Vy	Phòng Quản lý Du lịch Sở VHTTDL Lâm Đồng	Thành viên
10	PGS. TS. Phạm Hồng Long	Khoa Du lịch học – Đại học KHXH&NV	Thành viên chính
11	TS. Nguyễn Doãn Thành	Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Du lịch Nha Trang	Thành viên chính

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong Ban
12	ThS. Vũ Chiến Thắng	Hội đồng tư vấn du lịch (nay chuyển sang Khoa Du lịch học – Đại học KHXH&NV)	Thành viên chính
13	ThS. Phùng Quang Thắng	PCT. thường trực Liên chi hội Lữ hành Việt Nam	Thành viên chính
14	ThS. Vũ Thị Thu Hằng	PTP. Phòng Nghiệp vụ DL Tổng công ty du lịch Hà Nội	Thành viên chính
15	TS. Trần Doãn Cường	Viện NCPT Du lịch (nay là Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch VN)	Thành viên
16	Bùi Thị Hạnh	Viện NCPT Du lịch (nay là Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch VN)	Thành viên
17	Nguyễn Quang Vinh	Viện NCPT Du lịch (nay là chuyên gia du lịch)	Thành viên chính- Thư ký

3. Đặc điểm, tình hình đối tượng tiêu chuẩn hóa ngoài nước, trong nước, lý do và mục đích xây dựng tiêu chuẩn quốc gia

3.1. Đặc điểm, tình hình đối tượng tiêu chuẩn hóa trong và ngoài nước

3.1.1. Khái niệm, đặc điểm của du lịch mạo hiểm

* Khái niệm du lịch mạo hiểm

Có nhiều quan điểm khoa học khác nhau khi bàn đến nội hàm của thuật ngữ “Du lịch mạo hiểm”.

Du lịch mạo hiểm được định nghĩa là một loại hình du lịch bao gồm các hoạt động thể chất, tương tác với môi trường tự nhiên và hòa mình vào văn hóa địa phương, thường đi kèm với yếu tố rủi ro hoặc thử thách (Cheng và cộng sự, 2018; Rantala và cộng sự, 2018; UNWTO & ATTA, 2014). Theo Buckley (2007), du lịch mạo hiểm được hiểu là “các chuyến du lịch có hướng dẫn, trong đó yếu tố chính là hoạt động ngoài trời dựa trên địa hình tự nhiên, đòi hỏi trang thiết bị chuyên dụng và mang lại cảm giác kích thích cho du khách”. Tuy nhiên, khái niệm này không chỉ dừng lại ở yếu tố rủi ro vật lý mà còn bao gồm cả các khía cạnh tâm lý và trải nghiệm cá nhân.

Theo Ewert (1989), hoạt động mạo hiểm ngoài trời liên quan đến “sự tương tác giữa cá nhân với môi trường tự nhiên, nơi mà yếu tố rủi ro – dù là thực tế hay chỉ là cảm nhận – đóng vai trò then chốt trong việc kích thích và định hình trải nghiệm”. Điều này cho thấy, mặc dù rủi ro luôn được xem là thành phần cốt lõi, nhưng trải nghiệm mạo hiểm còn phụ thuộc vào khả năng của du khách trong việc cân bằng giữa kỹ năng cá nhân và mức độ thách thức của hoạt động (Ewert & Hollenhorst, 1989).

Trong khi đó, Hall (1989) mở rộng khái niệm bằng cách nhấn mạnh rằng du lịch mạo hiểm không chỉ là các hoạt động có tính chất mạo hiểm mà còn là những trải nghiệm mang tính giải trí, giáo dục và tương tác văn hóa. Ông cho rằng “du lịch mạo hiểm là một loạt các hoạt động du lịch ngoài trời được thương mại hóa, diễn ra xa khỏi nơi cư trú thông thường của du khách và chứa đựng các yếu tố rủi ro – mà kết quả của hoạt động phụ thuộc vào sự tương tác giữa người tham gia, môi trường và quá trình quản lý trải nghiệm” (Hall, 1989, tr. 143).

Ngoài ra, các tài liệu giảng dạy và ghi chú (Singh, n.d.) nhấn mạnh rằng du lịch mạo hiểm còn bao gồm các thành phần cơ bản như:

- Không gian (Space): Môi trường vật lý nơi diễn ra hoạt động (ví dụ: núi, sông, bãi biển).

- Sức hút (Attraction): Những điểm đến hoặc yếu tố thu hút đặc trưng của địa phương.

- Yếu tố bất ngờ (Sense of Unknown): Yếu tố tạo nên cảm giác hồi hộp, khám phá và mới mẻ.

- Sự hài lòng (Satisfaction): Mục tiêu của hoạt động nhằm đem lại trải nghiệm tích cực và phát triển bản thân.

- Tính thương mại (Commercial Viability): Khả năng phát triển kinh doanh bền vững của sản phẩm du lịch mạo hiểm.

- Rủi ro (Risk): Yếu tố rủi ro được tính toán dựa trên kinh nghiệm và năng lực của du khách.

Như vậy, du lịch mạo hiểm là một khái niệm đa chiều, bao gồm cả yếu tố rủi ro và sự khám phá, vừa phục vụ nhu cầu tìm kiếm cảm giác mạnh, vừa hướng đến việc phát triển kiến thức và trải nghiệm cá nhân trong một bối cảnh tự nhiên độc đáo (Buckley, 2007; Ewert, 1989; Hall, 1989). Các định nghĩa và cách tiếp cận đã được mở rộng và điều chỉnh qua thời gian, nhằm phản ánh sự thay đổi trong nhận thức, kinh nghiệm và nhu cầu của du khách trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển du lịch hiện nay.

* Đặc điểm của du lịch mạo hiểm

Du lịch mạo hiểm có những đặc điểm riêng biệt làm nên sự khác biệt so với các hình thức du lịch truyền thống. Trước hết, du lịch mạo hiểm được đặc trưng bởi tính chất ngoài trời và sự tương tác trực tiếp với thiên nhiên. Các hoạt động thường diễn ra tại các địa điểm hoang sơ, thiên nhiên hùng vĩ như núi non, sông ngòi, bãi biển hay rừng nguyên sinh (Buckley, 2007).

Một đặc điểm quan trọng khác là yếu tố rủi ro. Tuy nhiên, rủi ro trong du lịch mạo hiểm không chỉ được hiểu theo nghĩa vật lý mà còn bao gồm cả khía cạnh tâm lý. Du khách chấp nhận một mức độ rủi ro tính toán được, nhằm mang lại cảm giác kích thích, hồi hộp và thúc đẩy quá trình tự phát triển bản thân (Ewert, 1989; Ewert & Hollenhorst, 1989). Sự cân bằng giữa kỹ năng cá nhân và mức độ thách thức của hoạt động được coi là yếu tố then chốt để đạt được trạng thái “flow” – trạng thái trôi chảy, nơi mà du khách cảm thấy hoàn toàn hòa nhập với hoạt động của mình (Csikszentmihalyi, 1975).

Ngoài ra, du lịch mạo hiểm còn có tính chủ quan cao. Nhận thức về mạo hiểm của mỗi cá nhân phụ thuộc vào kinh nghiệm, khả năng và định kiến cá nhân. Một hoạt động có thể được xem là mạo hiểm đối với người mới nhưng lại trở nên bình thường đối với những du khách có nhiều kinh nghiệm (Ewert, 1989). Do đó, khái niệm “mạo hiểm” mang tính tương đối và được đánh giá dựa trên trải nghiệm chủ quan của từng người.

Sự đa dạng trong các hoạt động cũng là một đặc điểm nổi bật. Du lịch mạo hiểm có thể được phân loại thành hai nhóm chính:

- Mạo hiểm dễ: Bao gồm các hoạt động có mức độ rủi ro thấp. Những hoạt động này thường đi kèm với yếu tố giáo dục và khám phá văn hóa địa phương.

- Mạo hiểm khó: Gồm các hoạt động đòi hỏi kỹ năng cao, mức độ rủi ro lớn. Những hoạt động này thường yêu cầu sự chuẩn bị kỹ lưỡng về thể chất và tinh thần (Singh, n.d.; Buckley, 2007).

Thêm vào đó, tính trải nghiệm và cảm giác độc đáo của du lịch mạo hiểm là yếu tố làm cho sản phẩm này có sức hút đặc biệt. Du khách không chỉ tìm kiếm sự kích thích mà còn mong muốn trải nghiệm được những khoảnh khắc “phi thường”, mở rộng tầm nhìn về thế giới và thậm chí là tái định hình bản thân qua quá trình chinh phục những thử thách (Hall, 1989; Ewert, 1989).

Về khía cạnh kinh doanh và tiếp thị, du lịch mạo hiểm còn được đánh giá dựa trên tính khả thi về thương mại và khả năng bền vững. Các sản phẩm du lịch mạo hiểm thành công thường biết cách cân bằng giữa việc đảm bảo an toàn và tạo ra trải nghiệm độc đáo cho du khách, đồng thời phát triển theo hướng bền vững để bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa địa phương (Singh, n.d.; Buckley, 2007).

3.1.2. Tình hình đối tượng tiêu chuẩn ngoài nước

Du lịch mạo hiểm là loại hình du lịch đặc thù, ngày càng phát triển và đang trở thành một phân khúc quan trọng trong ngành du lịch toàn cầu. Trải qua giai đoạn đại dịch COVID – 19, đến nay xu hướng nhu cầu du lịch của khách hàng có sự thay đổi nhất định. Tuy nhiên, theo các chuyên gia du lịch, một điều chắc chắn là du lịch mạo hiểm vẫn phát triển tốt bất chấp đại dịch. Các chuyến du lịch mạo hiểm không chỉ mang lại trải nghiệm độc đáo cho du khách mà còn đóng góp đáng kể vào nền kinh tế và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Theo báo cáo của Hiệp hội Thương mại Du lịch Mạo hiểm (Adventure Travel Trade

Association – ATTA, 2025), quy mô ngành du lịch mạo hiểm chiếm khoảng 1.160 tỷ đô la Mỹ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng của thị trường này đang tăng nhanh, nhóm khách du lịch ưa thích phiêu lưu mạo hiểm đã tăng từ 30% lên 40%, và 67% khách du lịch quốc tế được coi là đối tượng "sẵn sàng cho những chuyến phiêu lưu".

Trên thế giới hiện nay đã có một số quy định và tiêu chuẩn liên quan đến du lịch mạo hiểm:

- The Wilderness Act of 1964 (Đạo luật Vùng hoang dã năm 1964) tại Mỹ, quy định về bảo vệ các khu vực vùng hoang dã và đưa ra các nguyên tắc quản lý các hoạt động du lịch mạo hiểm tại các khu vực trên.

- C86-116/2000E Best Practices Tour 2000 in Adventure Travel and Ecotourism (Tiêu chuẩn và thực hành tốt trong du lịch mạo hiểm) tại Canada, quy định các tiêu chuẩn và thực hành tốt trong du lịch mạo hiểm.

- BS 8848:2014 – Safer adventure: Managing the risks of adventure travel (An toàn hơn cho hoạt động mạo hiểm: Quản lý rủi ro trong du lịch mạo hiểm) tại Anh.

- Indian Adventure Tourism Guidelines 2.0 – 2018 (Hướng dẫn du lịch mạo hiểm Ấn Độ) quy định các tiêu chuẩn an toàn và chất lượng cho du lịch mạo hiểm ở Ấn Độ nhằm nỗ lực thực hiện các môn thể thao mạo hiểm trở nên an toàn hơn.

- Australian Adventure Activity Standards (Các yêu cầu trong hoạt động du lịch mạo hiểm) tại Úc năm 2019, quy định các tiêu chuẩn để thực hành tốt quản lý rủi ro và an toàn cho các hoạt động mạo hiểm ngoài trời có hướng dẫn.

Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế ISO đã công bố 7 tiêu chuẩn về du lịch mạo hiểm, bao gồm:

- ISO 21101:2014 Adventure tourism – Safety management systems – Requirements (Du lịch mạo hiểm – Hệ thống quản lý an toàn – Yêu cầu) quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý an toàn cho các nhà cung cấp hoạt động du lịch mạo hiểm. Tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung năm 2024;

- ISO 21102:2020 Adventure tourism – Leaders – Personal Competence (Du lịch mạo hiểm – Người hướng dẫn – Năng lực cá nhân) quy định những năng lực cần thiết và các kết quả cần đạt được liên quan đến năng lực của những người hướng dẫn cho các loại hình hoạt động du lịch mạo hiểm (không bao gồm cho các huấn luyện viên hoạt động du lịch mạo hiểm dưới nước);

- ISO 21103:2014 Adventure tourism – Information for participants (Du lịch mạo hiểm – Thông tin cho những người tham gia) quy định yêu cầu thông tin tối thiểu được cung cấp cho người tham gia trước, trong và sau các hoạt động du lịch mạo hiểm.

- ISO 20611:2018 Adventure tourism – Good practices for sustainability – Requirements and recommendations (Du lịch mạo hiểm – Các thực hành tốt về

bền vững – Yêu cầu và khuyến nghị) quy định các yêu cầu và khuyến nghị cho các nhà cung cấp hoạt động du lịch mạo hiểm để thực hành tốt cho sự bền vững;

- ISO 3163:2022 Adventure tourism - Vocabulary (Du lịch mạo hiểm – Từ vựng) quy định các thuật ngữ thường được sử dụng trong loại hình hoạt động du lịch mạo hiểm, bao gồm các thuật ngữ liên quan đến an toàn và dịch vụ với 2 phiên bản tiếng Anh và tiếng Pháp;

- ISO 3021:2023 Adventure tourism – Hiking and trekking activities – Requirements and recommendations (Du lịch mạo hiểm – Hoạt động đi bộ đường dài và đi bộ đường dài mạo hiểm - Yêu cầu và khuyến nghị) quy định các yêu cầu dịch vụ và phân loại tuyến đường trong du lịch mạo hiểm liên quan đến các hoạt động đi bộ đường dài và đi bộ xuyên rừng, nhằm mục đích hỗ trợ việc cung cấp an toàn cho các hoạt động trên.

- ISO 11956:2025 Adventure tourism — Cyclotourism — Requirements and recommendations (Du lịch mạo hiểm – Hoạt động du lịch xe đạp - Yêu cầu và khuyến nghị) quy định các yêu cầu về an toàn của người tham gia, người hướng dẫn và người hỗ trợ đối với hoạt động du lịch mạo hiểm liên quan đến đạp xe đạp.

3.1.3. Tình hình đối tượng tiêu chuẩn trong nước

Năm 2025, trong bối cảnh du lịch toàn cầu đang từng bước phục hồi, tốc độ tăng trưởng của du lịch Việt Nam nổi lên như một điểm sáng. Lần đầu tiên trong 65 năm hình thành và phát triển, ngành Du lịch Việt Nam đạt được cột mốc 20 triệu lượt khách quốc tế trong một năm, đánh dấu một bước phát triển mới trong tiến trình phục hồi, hội nhập sâu rộng vào thị trường du lịch thế giới. Lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng khoảng 21% (được Tổ chức Du lịch Liên Hợp Quốc (UN Tourism) đánh giá nằm trong nhóm các quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất thế giới), cao gấp nhiều lần mức tăng trưởng bình quân 5% của du lịch thế giới và vượt xa mức 8% của khu vực châu Á – Thái Bình Dương. So với thời điểm trước đại dịch COVID - 19, du lịch Việt Nam đã phục hồi ở mức khoảng hơn 110 % (du lịch thế giới mới chỉ phục hồi khoảng 90%).

Sự tăng trưởng của ngành du lịch góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sôi động, hướng tới sự chuyên nghiệp và đòi hỏi một phần trong đó nhu cầu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hoạt động du lịch nói chung và lĩnh vực du lịch mạo hiểm nói riêng – một loại hình đặc thù yêu cầu đảm bảo tính an toàn.

Ở Việt Nam du lịch mạo hiểm bắt đầu khởi sắc từ khi Công ty Du lịch Việt Nam tại Hà Nội kết hợp với Công ty Raid Gauloises tổ chức cuộc đua Raid Gauloises 2002 tại 9 tỉnh miền núi phía Bắc vào những năm 1990. Sự thành công của chương trình đã góp phần quảng bá du lịch Việt Nam ra thế giới, đồng thời đánh dấu mốc quan trọng trong việc phát triển loại hình du lịch này tại Việt Nam. Từ đó đến nay, du lịch mạo hiểm không ngừng phát triển và thu hút ngày càng nhiều du khách tham gia.

Một trong những công cụ để quản lý nhà nước về du lịch là hệ thống tiêu chuẩn quốc gia. Công tác xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trong ngành du lịch được quan tâm, chú trọng. Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đã nêu nhiệm vụ tăng cường quản lý nhà nước về du lịch, trong đó có yêu cầu cụ thể: “Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia trong lĩnh vực du lịch theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế”.

Trong bộ tiêu chuẩn quốc gia về du lịch mạo hiểm, hiện đã công bố 3 tiêu chuẩn: TCVN 12592:2018 ISO 21101:2014 Du lịch mạo hiểm – Hệ thống quản lý an toàn – Yêu cầu; TCVN 12593:2018 ISO/TR 21102:2013 Du lịch mạo hiểm – Người hướng dẫn – Năng lực cá nhân; TCVN 12594:2018 ISO 21103:2014 Du lịch mạo hiểm – Thông tin cho những người tham gia. Các tiêu chuẩn trên đưa ra các yêu cầu và hướng dẫn nhằm nâng cao hệ số an toàn, đáp ứng kỳ vọng về sự an toàn của những người tham gia, hỗ trợ các tổ chức và cá nhân tuân thủ các yêu cầu pháp lý khi thực hiện hoạt động du lịch mạo hiểm. Đây là 3 tiêu chuẩn duy nhất về du lịch mạo hiểm tại Việt Nam đến thời điểm hiện nay. Trong cả 3 tiêu chuẩn này, tại điều Thuật ngữ và định nghĩa, đã có quy định một số thuật ngữ được áp dụng trong các tiêu chuẩn đó. Các từ vựng này chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ trong hệ thống các từ vựng về du lịch mạo hiểm.

Các tiêu chuẩn khác về du lịch mạo hiểm như Adventure tourism - Vocabulary (Du lịch mạo hiểm – Từ vựng), Adventure tourism – Hiking and trekking activities – Requirements and recommendations (Du lịch mạo hiểm – Hoạt động đi bộ đường dài và đi bộ đường dài mạo hiểm - Yêu cầu và khuyến nghị), Adventure tourism – Good practices for sustainability – Requirements and recommendations (Du lịch mạo hiểm – Các thực hành tốt về bền vững – Yêu cầu và khuyến nghị) đang được xây dựng tại Việt Nam.

Trong công tác xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về thuật ngữ du lịch, có tiêu chuẩn TCVN 9506:2012 Cơ sở lưu trú du lịch và các dịch vụ liên quan – Thuật ngữ và định nghĩa (Tourist accommodation and other related services - Terminology) được xây dựng trên cơ sở ISO 18513 và tiêu chuẩn TCVN 14196:2024 Dịch vụ du lịch – Đại lý lữ hành và doanh nghiệp lữ hành – Thuật ngữ và định nghĩa (Tourism services – Travel agencies and tour operators – Terminology) xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn BS EN 13809. Hai tiêu chuẩn trên quy định các thuật ngữ trong lĩnh vực cơ sở lưu trú du lịch và lĩnh vực lữ hành.

Các văn bản pháp quy liên quan đến thuật ngữ trong du lịch mạo hiểm tại Việt Nam Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, tại điều 8 đã liệt kê các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch: bay dù lượn, khinh khí cầu; nhảy dù; đu dây mạo hiểm hành trình trên cao; đi xe đạp, mô tô, ô

tô địa hình trên núi, trên đồi cát; đi trên dây; leo núi, vách đá; đu dây vượt thác; lặn dưới nước; chèo thuyền vượt ghềnh thác; đi mô tô nước; lướt ván; ca nô kéo dù bay; thám hiểm hang động, rừng, núi.

Tại các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành du lịch và thể dục thể thao, các từ vựng trong ngành du lịch nói chung và trong lĩnh vực du lịch mạo hiểm nói riêng được sử dụng trong giảng dạy.

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội thực hiện đề án Biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam về tất cả các ngành (khoảng 37 quyển), trong đó có 1 quyển về du lịch, thể dục thể thao, âm thực và trang phục (quyển 35) nhưng chỉ dừng lại ở giai đoạn đầu, thí điểm một số mục từ.

3.1.4. Tiềm năng và hiện trạng sản phẩm du lịch mạo hiểm tại Việt Nam

3.1.4.1. Tiềm năng phát triển sản phẩm du lịch mạo hiểm tại Việt Nam

Với vị trí nằm ở trung tâm của khu vực Đông Nam Á, địa hình đa dạng, trải dài từ Bắc vào Nam với 3/4 là đồi, núi với nhiều hình thái địa chất, địa mạo khác nhau với các dãy núi đá có nhiều hang động đẹp và nổi tiếng thế giới cùng với hệ thống rừng nguyên sinh nhiệt đới, sông ngòi dày đặc và 3.200 km bờ biển, Việt Nam có tiềm năng và lợi thế lớn để phát triển một số sản phẩm và hoạt động du lịch mạo hiểm như sau:

Bảng 1: Danh sách một số sản phẩm, hoạt động du lịch mạo hiểm có thể phát triển ở Việt Nam

TT	Tên sản phẩm/hoạt động	Địa phương/địa điểm	Phân loại theo mức độ khó/dễ
1	Khám phá, thám hiểm hang động (bao gồm cả hang động karst và hang động núi lửa)	Chủ yếu tập trung ở các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung Bộ, Trung Bộ và một số tỉnh Tây Nguyên như Cao Bằng, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Quảng Trị, Lâm Đồng...	Khó
2	Leo núi chuyên nghiệp: chinh phục các vách núi cao dựng đứng hoặc có độ dốc lớn, có độ khó cao	Phổ biến tại một số địa phương như: Quảng Ninh (khu vực Vịnh Hạ Long), Hải Phòng (Cát Bà), Tuyên Quang, Lạng Sơn và một số tỉnh miền núi phía Bắc khác; các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên như Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Khánh Hòa...	Khó
3	Trekking băng rừng, vượt núi: Hoạt động có thể diễn ra trong một vài ngày hoặc nhiều ngày, khách tham gia chủ yếu đi bộ, ăn ngủ và sinh hoạt trong rừng	Có khả năng tổ chức ở tất cả các địa phương có rừng, núi như các khu vực vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên, các địa phương có các đỉnh núi cao và các cột mốc điểm cao được ghi nhận như Fansipan, Pu Ta Leng, Chiêu Lầu Thi...	Khó

TT	Tên sản phẩm/hoạt động	Địa phương/địa điểm	Phân loại theo mức độ khó/ dễ
4	Du dây vượt thác	Có tiềm năng ở các tỉnh khu vực phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, những nơi có nhiều địa hình đồi núi, thác nước và phong cảnh tự nhiên hoang sơ như Quảng Trị, Lâm Đồng...	Khó
5	Đạp xe địa hình	Có tiềm năng phát triển ở tất cả các khu vực nông thôn, miền núi, có phong cảnh đẹp, địa hình có độ khó tạo thử thách cho các hoạt động đạp xe địa hình	Khó
6	Đua mô tô thể thao	Hoạt động này có thể tổ chức ở mọi tỉnh thành theo các dạng địa hình khác nhau, đặc biệt là các khu vực miền núi, địa hình đa dạng như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Tuyên Quang, Lào Cai...	Khó
7	Dù lượn	Một số tỉnh có địa hình núi cao, phong cảnh đẹp ở phía Bắc như Lào Cai, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lai Châu, Điện Biên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang.	Khó
8	Cano dù bay	Có tiềm năng phát triển ở các tỉnh ven biển, kết hợp phát triển du lịch và nghỉ dưỡng biển, đảo như Đà Nẵng, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Tp. Hồ Chí Minh...	Khó
9	Chèo thuyền canoe, kayak trên sông, suối, hồ, biển	Có tiềm năng phát triển ở các điểm du lịch có hồ, suối, sông, biển nhưng mức độ nguy hiểm không cao.	Dễ
10	Chèo thuyền, bè, mảng vượt thác, ghềnh	Có tiềm năng ở các tỉnh khu vực phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, những nơi có nhiều địa hình đồi núi, thác nước và phong cảnh tự nhiên hoang sơ.	Khó
11	Lặn biển	Có tiềm năng và có thể khai thác ở các điểm đến, các tỉnh có tài nguyên du lịch biển đảo, có các khu bảo tồn thiên nhiên biển như ở Cát Bà, Côn Cò, Cù Lao Chàm, Nha Trang, Côn Đảo và Phú Quốc...	Dễ
12	Trượt dây cáp (zipline)	Có tiềm năng phát triển ở các điểm đến khu vực miền núi, các khu vực có sự chênh lệch địa hình, có sông, suối thác...	Dễ

TT	Tên sản phẩm/hoạt động	Địa phương/địa điểm	Phân loại theo mức độ khó/ dễ
13	Mô tô nước, flyboard	Có tiềm năng phát triển ở các tỉnh ven biển, kết hợp phát triển du lịch và nghỉ dưỡng biển, đảo như Đà Nẵng, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Tp. Hồ Chí Minh...	Dễ
14	Các hoạt động trải nghiệm như săn, bắt, hái, lượm tại điểm đến như câu cá trên biển...	Có tiềm năng tại các điểm đến khu vực nông thôn, miền núi, biển, đảo....	Dễ
15	Thăm hiểm văn hóa đến các khu vực khảo cổ, các di chỉ hoặc di sản văn hóa còn hoang sơ, khám phá văn hóa đồng bào các dân tộc ít người ở các khu vực biên giới, hải đảo, các khu vực địa hình hiểm trở.	Có tiềm năng phát triển ở tất cả các địa phương trong cả nước	Dễ

(Nguồn: Tổng hợp từ nhóm nghiên cứu)

Ngoài một số hoạt động và sản phẩm nêu trên, trong thực tế với tài nguyên du lịch mạo hiểm phong phú, đa dạng tại nước ta, một chương trình hoặc một sản phẩm du lịch mạo hiểm có thể kết hợp nhiều hoạt động khác nhau như vừa đạp xe, vừa trekking vừa leo núi hoặc vừa chèo thuyền canoe.

3.1.4.2. Hiện trạng khai thác sản phẩm du lịch mạo hiểm tại Việt Nam

Hiện nay, việc khai thác, phát triển và quảng bá sản phẩm du lịch mạo hiểm ở Việt Nam chủ yếu được thực hiện ở quy mô doanh nghiệp. Các sản phẩm du lịch mạo hiểm ở Việt Nam chưa phát triển tương xứng với tài nguyên và tiềm năng nhưng thời gian gần đây, một số địa phương và doanh nghiệp cũng đã có sự quan tâm và đầu tư một cách bài bản cho sự phát triển của loại hình du lịch này như Quảng Ninh, Quảng Trị, Khánh Hòa. Công ty Chua Me Đất (Oxalis) ở Quảng Trị nổi lên như một công ty hàng đầu về du lịch mạo hiểm, chuyên các chuyến du lịch khám phá hang động, leo núi, vượt thác ghềnh với độ khó cao, trong thời gian nhiều ngày với sản phẩm nổi tiếng là khám phá hang Sơn Đoòng nổi tiếng thế giới, trở thành thương hiệu của du lịch Quảng Trị cũng như đóng góp vào việc dần hình thành thương hiệu du lịch mạo hiểm của Việt Nam trên bản đồ du lịch thế giới.

Tại Việt Nam đã hình thành và phát triển đa dạng các hoạt động du lịch mạo hiểm trên không, trên bộ và dưới nước.

Bảng 2. Hiện trạng một số sản phẩm, hoạt động du lịch mạo hiểm ở Việt Nam

TT	Tên sản phẩm/hoạt động	Địa phương/địa điểm	Phân loại theo mức độ khó/ dễ
I	Trên không		
1.1	Ngắm cảnh, khám phá thiên nhiên bằng máy bay trực thăng/ thủy phi cơ	Hạ Long, Cát Bà, Tuần Châu, Vân Đồn, Ninh Bình, Sông Hồng, Sapa, Điện Biên, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu – Côn Đảo, Phú Quốc...	Dễ
1.2	Dù bay, dù lượn, khinh khí cầu	Mù Cang Chải (Lào Cai), Hoàng Su Phì (Tuyên Quang), Ba Vì (Hà Nội), Sa Đéc (Đồng Tháp), Đồng Văn, đèo Mã Pi Lèng và sông Nho Quế, Hoàng Su Phì (Tuyên Quang), đèo Ô Quý Hồ (Lào Cai và Lai Châu), bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), núi Lang Bian, Đà Lạt (Lâm Đồng), đèo Khánh Vinh, (Khánh Hòa), Hoành Bồ (Quảng Ninh)...	Khó
II	Trên cạn		
2.1	Hành trình đến các điểm cực trên đất liền của Việt Nam	Cực Bắc ở Lũng Cú (Tuyên Quang), cực Nam ở mũi Cà Mau (Cà Mau), cực Đông ở Mũi Đồi (Khánh Hòa) và cực Tây ở A Pa Chải (Điện Biên)	Dễ
2.2	Hành trình lịch sử tìm hiểu các địa danh nổi tiếng dọc theo chiều dài đất nước	Từ Ải Nam Quan, Ải Chi Lăng, hang Pác Bó, suối Lê Nin, ATK, Tà Lùng, Đông Khê, Thất Khê, Điện Biên, đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại, sông Mã anh hùng, ngã ba Đồng Lộc, thành cổ Quảng Trị, sông Bến Hải – Cửa Tùng – Vĩnh Mốc, Khe Sanh, đường 9 Nam Lào, Tây Nguyên, Củ Chi, rừng Sác, chiến khu D...	Dễ
2.3	Khám phá vườn quốc gia, khu bảo tồn	Tìm hiểu đời sống thiên nhiên hoang dã, đa dạng sinh học trong 34 vườn quốc gia, hơn 60 khu bảo tồn (xem chim, xem thú, côn trùng...)	Dễ
2.4	Nghiên cứu cấu tạo địa chất, đa dạng sinh học, tham động thực vật, hệ sinh thái;	Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn, công viên địa chất Non nước Cao Bằng, công viên địa chất Đắk Nông, công viên địa chất Lạng Sơn...	Dễ
2.5	Trượt cỏ	Lâm Đồng, Phú Thọ, Hà Nội, Khánh Hòa...	Dễ

TT	Tên sản phẩm/hoạt động	Địa phương/địa điểm	Phân loại theo mức độ khó/ dễ
2.6	Trượt cát	Mũi Né (Lâm Đồng), bán đảo Phương Mai (Gia Lai)...	Dễ
2.7	Trượt cáp zipline, đi thăng bằng trên dây highwire	Huế, Quảng Trị, Lâm Đồng...	Dễ
2.8	Bóng lăn zorbing	Lâm Đồng, Khánh Hòa	Dễ
2.9	Cầu kính, thang máy kính	Khu du lịch Rồng Mây đèo Ô Quý Hồ ở Sapa (Lào Cai)	Dễ
2.10	Leo núi chinh phục các đỉnh cao nổi tiếng ở Việt Nam	Đỉnh Fansipan 3143m ở Sapa, Lào Cai, đỉnh Putaleng 3096m và đỉnh Tà Lèng 2993m ở Tam Đường, Lai Châu, đỉnh Tà Xùa 2865m nằm giữa Sơn La và Lào Cai, đỉnh Tây Côn Lĩnh 2428m và đỉnh Chiêu Lầu Thi 2402m ở Tuyên Quang	Khó
2.11	Trekking đi bộ xuyên rừng, núi, làng, bản	Dãy Hoàng Liên Sơn ở Lào Cai và Lai Châu, núi Ngọc Linh ở Quảng Ngãi hay cung đường Tà Năng – Phan Dũng trên địa bàn các tỉnh Lâm Đồng, Khánh Hòa	Khó
2.12	Xe đạp, mô tô, ô tô địa hình vượt đèo	Đèo Pha Đin ở Điện Biên, đèo Ô Quý Hồ ở Lai Châu – Lào Cai, đèo Khau Phạ ở Lào Cai, cung đường đèo Tuyên Quang: Yên Minh – Quán Bạ – Đồng Văn – Lũng Cú – Mã Pì Lèng – Xín Cái – Mèo Vạc. Những con đường đèo khác nằm rải rác từ Bắc tới Nam như đèo Mây, đèo Gió, đèo Khế, đèo Lũng Lô, đèo Hải Vân, đèo Ngang, đèo Ngoạn Mục, đèo Khánh Sơn, Khánh Vĩnh, Khánh Lê...	Khó
2.13	Thám hiểm hang động	Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Trị)	Khó
III	Dưới nước		
3.1	Bè mảng	Trên sông Quây Sơn, chân thác Bàn Giốc (Cao Bằng), sông Mã (Thanh Hóa và Phú Thọ), sông Lô (Tuyên Quang)	Dễ
3.2	Bơi thuyền	- Thuyền độc mộc trên hồ Ba Bể ở Thái Nguyên; thuyền nan ở Văn Long, Ninh Bình; thuyền thúng khám phá rừng đừa nước 7 mẫu tại Hội An và các tỉnh ven biển miền Trung; thuyền cao su bơm hơi, canoe, kayak trên sông Nho Quế dưới đèo Mã Pì Lèng ở Tuyên Quang,	Dễ

TT	Tên sản phẩm/hoạt động	Địa phương/địa điểm	Phân loại theo mức độ khó/dễ
		trên hồ Ba Bể ở Thái Nguyên - Chèo thuyền canoe, chèo kayak trên vịnh Hạ Long, Phú Quốc, Côn Đảo...	
3.3	Lặn biển (diving, snorkeling), đi bộ dưới biển (seawalk), dù kéo, lướt ván, lướt sóng (surfing), bơi ván đứng (stand up board), ván bay (skyboard)	Đà Nẵng, Nha Trang, Phan Thiết, Phú Quốc, Côn Đảo	Dễ
3.4	Trải nghiệm đánh bắt cá đại dương (câu cá biển sâu, xiên cá, bắn cá, mò ngọc trai, hải sâm, bào ngư, câu gai...)	Lâm Đồng, Côn Đảo (TP. Hồ Chí Minh), Phú Quốc (An Giang)...	Dễ
3.5	Thả rùa con về biển, quan sát rùa đẻ trứng	Côn Đảo (TP. Hồ Chí Minh)	Dễ
3.6	Khám phá, khai quật, khảo cổ tàu đắm	Cù lao Chàm (Đà Nẵng)	Dễ
3.7	Đu dây vượt thác	Thác Dray Sáp trên sông Serepok ở Tây Nguyên, thác Dantala, Pongour và Dambri ở Lâm Đồng...	Khó
3.8	Leo vách núi, vách đá nhảy xuống nước	Cát Bà, Hải Phòng, Côn Đảo...	Khó
3.9	Khai thác tổ yến ở Nha Trang	Khánh Hòa	Khó

(Nguồn: Tổng hợp từ nhóm nghiên cứu)

Kết quả cho thấy: Các sản phẩm, hoạt động du lịch mạo hiểm rất đa dạng và phong phú theo cả loại hình và tên gọi. Đôi khi, cùng một loại hình hoạt động du lịch mạo hiểm nhưng các doanh nghiệp khác nhau gọi tên thương mại cho sản phẩm cụ thể lại khác nhau. Dẫn đến, nhu cầu chuẩn hóa, thống nhất thuật ngữ, từ vựng trong hoạt động du lịch mạo hiểm.

Theo kết quả điều tra xã hội học do Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (nay là Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam) thực hiện, cho thấy sự sẵn sàng tham gia TCVN về du lịch mạo hiểm khi được công bố của cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp là khá cao (68-73%). Điều đó cho thấy nhận thức và nhu cầu về bộ TCVN trong lĩnh vực du lịch mạo hiểm là cao.

3.2. Lý do và mục đích xây dựng tiêu chuẩn quốc gia

3.2.1. Lý do xây dựng tiêu chuẩn

3.2.1.1. Chính sách định hướng phát triển du lịch mạo hiểm ở Việt Nam

Ngành du lịch Việt Nam đã có sự quan tâm, định hướng phát triển du lịch mạo hiểm.

Năm 2013, trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành kèm theo Quyết định số 201/QĐ-TTg đã nhấn mạnh ưu tiên đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, chú trọng khám phá hang động, du lịch núi; tham quan thắng cảnh biển, hệ sinh thái biển; khai thác hệ thống đảo ven bờ phục vụ phát triển du lịch. Về tổ chức không gian du lịch, du lịch mạo hiểm được xác định là sản phẩm du lịch đặc trưng tại các vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Bắc Trung Bộ, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Đồng thời, trong Quy hoạch này, Thủ tướng Chính phủ cũng nhấn mạnh đến những giải pháp, chính sách để thu hút đầu tư tài chính; hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng du lịch, phát triển nguồn nhân lực, cơ sở dữ liệu phục vụ du lịch, trong đó có du lịch mạo hiểm (Thủ tướng Chính phủ, 2013, điểm b, c, khoản 3; khoản 4, Điều 1).

Trong Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, một trong những giải pháp được Chính phủ nhấn mạnh là: Đẩy mạnh phát triển du lịch thể thao mạo hiểm (Thủ tướng Chính phủ, 2020, Khoản 6, mục III).

Trong Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, một trong những dòng sản phẩm du lịch chính được Chính phủ xác định gắn với loại hình du lịch mạo hiểm là: Phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái dựa trên lợi thế về tài nguyên tự nhiên, đặc biệt là tại các khu dự trữ sinh quyển thế giới, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và khu bảo tồn biển; coi trọng phát triển du lịch sinh thái rừng ngập mặn, sinh thái miệt vườn, sinh thái hang động, sông, hồ. Đồng thời, phát triển du lịch thể thao mạo hiểm nhằm góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch phù hợp với xu hướng mới của thị trường (Thủ tướng Chính phủ, 2024, QĐ 509, Điểm a, b, khoản 2, mục IV). Về tổ chức không gian du lịch, Chính phủ cũng xác định những khu vực sau cần ưu tiên phát triển du lịch mạo hiểm để tạo nên những sản phẩm du lịch đặc thù: Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, vùng Tây Nguyên (Thủ tướng Chính phủ, 2024, Điểm a, khoản 3, mục IV).

Bên cạnh đó, du lịch mạo hiểm được hưởng lợi từ nhiều chính sách tổng thể để phát triển ngành du lịch Việt Nam nói chung như chính sách thu hút vốn đầu tư, chính sách phát triển hệ thống hạ tầng du lịch, chính sách đào tạo nguồn nhân lực, chính sách truyền thông quảng bá, chính sách hợp tác quốc tế về phát triển du lịch... Tất cả được cộng hưởng để tạo đà cho loại hình du lịch mạo hiểm ở Việt Nam phát triển trong thời gian tới.

3.2.1.2. Chính sách quản lý du lịch mạo hiểm ở Việt Nam

Tại Điều 8 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, Chính phủ đã đưa ra những sản phẩm du lịch có những đặc điểm của loại hình du lịch mạo hiểm là: bay dù lượn, khinh khí cầu; nhảy dù; đu dây mạo hiểm hành trình trên cao; đi xe đạp, mô tô, ô tô địa

hình trên núi, trên đồi cát; đi trên dây; leo núi, vách đá; đu dây vượt thác; lặn dưới nước; chèo thuyền vượt ghềnh thác; đi mô tô nước; lướt ván; ca nô kéo dù bay; thám hiểm hang động, rừng, núi (Điều 8). Trên cơ sở này, Nghị định 168/2017/NĐ-CP đặt ra những yêu cầu để đảm bảo an toàn cho du khách đối với các chủ thể tham kinh doanh các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch là: Có cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch; có phương án cứu hộ, cứu nạn; bố trí lực lượng cứu hộ khách du lịch và can thiệp, xử lý, ứng cứu kịp thời các sự cố, tai nạn, rủi ro xảy ra; duy trì, bảo đảm thông tin liên lạc với khách du lịch trong suốt thời gian cung cấp sản phẩm; bố trí, sử dụng huấn luyện viên, kỹ thuật viên, hướng dẫn viên có chuyên môn phù hợp; phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn cho khách du lịch; hướng dẫn các thao tác kỹ thuật cho khách du lịch trước khi cung cấp sản phẩm du lịch; cung cấp, hướng dẫn sử dụng và giám sát việc sử dụng trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, bảo đảm an toàn cho khách du lịch (Điều 9).

Đến năm 2018, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố 3 Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12592 (ISO 21101), TCVN 12593 (ISO 21102), TCVN 12594 (ISO 21103). Trong đó, TCVN 12592:2018 (ISO 21101:2014) về Du lịch mạo hiểm - Hệ thống quản lý an toàn - Yêu cầu, quy định các yêu cầu đối với hệ thống quản lý an toàn cho các nhà cung cấp hoạt động du lịch mạo hiểm. TCVN 12593:2018 (ISO/TR 21102:2013) Du lịch mạo hiểm – Người hướng dẫn – Năng lực cá nhân, quy định những năng lực cần thiết và các kết quả cần đạt được liên quan đến năng lực của những người hướng dẫn cho các loại hình hoạt động du lịch mạo hiểm; TCVN 12594:2018 (ISO 21103:2014) Du lịch mạo hiểm – Thông tin cho những người tham gia, quy định yêu cầu thông tin tối thiểu được cung cấp cho người tham gia trước, trong và sau các hoạt động du lịch mạo hiểm.

Từ những dữ liệu trên cho thấy rằng Việt Nam đã có chính sách để quản lý du lịch mạo hiểm. Chính sách này có thể được định danh trực tiếp dành cho loại hình du lịch mạo hiểm, hoặc được áp dụng cho những sản phẩm du lịch mang những đặc điểm của du lịch mạo hiểm.

3.2.1.3. Các từ vựng về du lịch mạo hiểm tại Việt Nam

Trong các văn bản pháp quy của Nhà nước về du lịch, Luật Du lịch 2017, tại điều 3 giải thích từ ngữ, bao gồm 18 thuật ngữ. Các thuật ngữ này gồm một vài khái niệm và thuật ngữ chung như: du lịch, khách du lịch, hoạt động du lịch, chương trình du lịch, kinh doanh dịch vụ lữ hành, hướng dẫn du lịch, hướng dẫn viên du lịch, phát triển du lịch bền vững, môi trường du lịch... Chưa có thuật ngữ liên quan đến du lịch mạo hiểm. Trong Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch, tại điều 8 đã liệt kê các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch. Các sản phẩm này mang những đặc điểm của du lịch mạo hiểm nhưng chưa được định nghĩa.

Liên quan đến các từ vựng trong du lịch mạo hiểm có các hoạt động giảng dạy chủ yếu tại các trường đại học, cao đẳng chuyên ngành du lịch hoặc thể dục thể thao. Bên cạnh đó, dự án biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam về tất cả các ngành (khoảng 37 quyển), trong đó có 1 quyển về du lịch, thể dục thể thao, âm thực và trang phục (quyển 35) đã triển khai từ năm 2016. Hiện tại dự án chỉ dừng lại ở giai đoạn thí điểm một số mục từ.

Theo lĩnh vực hoạt động dịch vụ du lịch, các từ vựng du lịch thường được phân ra theo các nhóm chính: lĩnh vực lưu trú du lịch, lĩnh vực lữ hành, lĩnh vực vận tải khách du lịch và các lĩnh vực dịch vụ liên quan khác.

Trong các tiêu chuẩn quốc gia, hiện có hai tiêu chuẩn: TCVN 9506:2012 về thuật ngữ trong lĩnh vực cơ sở lưu trú du lịch và TCVN 14196:2024 về thuật ngữ trong lĩnh vực lữ hành. Tiêu chuẩn về thuật ngữ trong lĩnh vực cơ sở lưu trú du lịch bao gồm các thuật ngữ về cơ sở lưu trú du lịch; cơ sở vật chất, trang thiết bị tiện nghi trong cơ sở lưu trú du lịch; dịch vụ, giá cả dịch vụ, nhân viên phục vụ trong cơ sở lưu trú du lịch. Tiêu chuẩn về thuật ngữ trong lĩnh vực lữ hành bao gồm các thuật ngữ về cung cấp dịch vụ lữ hành, hỗ trợ và dịch vụ phụ trợ, doanh nghiệp lữ hành, đại lý lữ hành, hợp đồng lữ hành, giá dịch vụ và các giấy tờ kèm theo dịch vụ lữ hành.

Trong bộ tiêu chuẩn quốc gia về du lịch mạo hiểm, hiện đã công bố 3 tiêu chuẩn TCVN 12592 (ISO 21101), TCVN 12593 (ISO 21102), TCVN 12594 (ISO 21103). Trong cả 3 tiêu chuẩn này, tại điều Thuật ngữ và định nghĩa, đã có quy định một số thuật ngữ được áp dụng trong các tiêu chuẩn đó. Tuy nhiên, các thuật ngữ này chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ, không bao trùm hết tất cả các thuật ngữ trong lĩnh vực du lịch mạo hiểm.

Đến thời điểm hiện nay, tại Việt Nam chưa công bố tiếp theo một tiêu chuẩn quốc gia nào về các từ vựng trong hoạt động du lịch mạo hiểm. Đây là một khoảng trống trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia của ngành du lịch cần được thực hiện.

3.2.1.4. Nhu cầu thống nhất các từ vựng trong du lịch mạo hiểm

Một số tiêu chuẩn quốc tế và khu vực về từ vựng trong ngành du lịch đã công bố như: ISO 18513 Tourism services – Hotel and other types of tourism accommodation - Vocabulary (Dịch vụ du lịch - Khách sạn và các loại hình lưu trú du lịch khác – Từ vựng); EN 13809 Tourism services - Travel agencies and tour operators – Terminology (Dịch vụ du lịch – Đại lý lữ hành và doanh nghiệp lữ hành – Thuật ngữ và định nghĩa); ISO 23405 Tourism and related services — Sustainable tourism — Principles, vocabulary and model (Du lịch và các dịch vụ liên quan – Du lịch bền vững – Nguyên tắc, từ vựng và mô hình); ISO 3163 Adventure tourism - Vocabulary (Du lịch mạo hiểm – Từ vựng).

Đứng trước nhu cầu cần thống nhất các từ vựng trong du lịch mạo hiểm, nhiều nước thuộc khu vực Châu Âu đã chấp nhận hoàn toàn tương đương tiêu chuẩn ISO 3163:2022 là tiêu chuẩn quốc gia của nước mình như Anh (BS ISO 3163:2022), Pháp (NF ISO 3163:2023), Hà Lan (NEN ISO 3163:2022), Đan

Mạch (DS/ISO 3163:2022), Bugari (БДC ISO 3163:2022). Khu vực châu Phi có Kenya (KS ISO 3163:2022), Nam Mỹ có Brasil (ABNT NBR ISO 3163:2024), châu Á có Ấn Độ (IS/ISO 3163:2022) hoặc khu vực các quốc gia Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (gồm Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất; Ả Rập Xê Út, Bahrain, Oman, Qatar, Kuwait) GSO ISO 3163:2025 cũng chấp nhận hoàn toàn tương đương tiêu chuẩn ISO 3163:2022.

Tiêu chuẩn quốc tế ISO 3163:2022 Adventure tourism - Vocabulary (Du lịch mạo hiểm – Từ vựng) mới được ban hành. Tại Việt Nam, việc định nghĩa và thống nhất các từ vựng trong du lịch mạo hiểm đóng vai trò quan trọng. Đến thời điểm hiện nay, nước ta chưa có tiêu chuẩn quy định các từ vựng trong du lịch mạo hiểm. Vì vậy, việc nghiên cứu ISO 3163:2022 và xây dựng tiêu chuẩn quốc gia trên cơ sở chấp nhận hoàn toàn tương đương là cần thiết.

3.2.2. Mục đích

Xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia “*Du lịch mạo hiểm – Từ vựng*” với mục đích tạo điều kiện thông hiểu những từ vựng phổ biến trong hoạt động du lịch mạo hiểm giữa bên cung cấp dịch vụ và người sử dụng dịch vụ, nhằm hỗ trợ tăng cường an toàn hơn nữa cho các hoạt động du lịch mạo hiểm.

Hiểu về các khái niệm, từ vựng thông dụng trong dịch vụ du lịch mạo hiểm có thể làm tăng khả năng đáp ứng các kỳ vọng và nâng cao sự hài lòng của khách hàng. Ngành du lịch cũng sẽ được hưởng lợi từ những người tiêu dùng có đầy đủ thông tin, hiểu rõ hơn về các thuật ngữ du lịch mạo hiểm và bối cảnh sử dụng của các thuật ngữ trong phân đoạn thị trường du lịch này.

Tiêu chuẩn cũng sẽ có giá trị giảng dạy, đào tạo đối với các trường đào tạo du lịch và thể dục thể thao.

Đồng thời tiêu chuẩn cũng rất hữu ích đối với những cơ quan, tổ chức, cá nhân đang xây dựng các tiêu chuẩn khác về du lịch mạo hiểm, cũng như đối với các cơ quan, tổ chức lập pháp và quản lý nhà nước về du lịch và thể dục thể thao.

4. Sở cứ xây dựng các yêu cầu kỹ thuật

4.1. Tổng hợp, phân tích các tiêu chuẩn quốc tế, tài liệu kỹ thuật, các kết quả nghiên cứu liên quan tới đối tượng tiêu chuẩn hoá (là các thuật ngữ liên quan trong lĩnh vực du lịch mạo hiểm).

- ISO 3163:2022 Adventure tourism - Vocabulary (Du lịch mạo hiểm – Từ vựng) (Phiên bản tiếng Anh).

- ISO 3163:2022 Tourisme d’aventure – Vocabulaire (Du lịch mạo hiểm – Từ vựng) (Phiên bản tiếng Pháp).

- Các tài liệu tham khảo, kết quả nghiên cứu liên quan đến thuật ngữ trong lĩnh vực mạo hiểm được tổng hợp, phân tích là căn cứ khoa học cần thiết để xây dựng tiêu chuẩn quốc gia.

+ TCVN 12592:2018 ISO 21101:2014 Du lịch mạo hiểm – Hệ thống quản lý an toàn – Yêu cầu.

+ TCVN 12593:2018 ISO/TR 21102:2013 Du lịch mạo hiểm – Người hướng dẫn – Năng lực cá nhân.

+ TCVN 12594:2018 ISO 21103:2014 Du lịch mạo hiểm – Thông tin cho những người tham gia.

+ TCVN 14602:2026 ISO 3021:2023 Du lịch mạo hiểm – Hoạt động đi bộ đường dài và đi bộ đường dài mạo hiểm – Yêu cầu và khuyến nghị).

+ Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch số 09/2017/QH14.

+ Nghị định 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thể dục Thể thao

+ International Classification of Functioning, Disability and Health - ICF (Phân loại quốc tế về chức năng, khuyết tật và sức khỏe).

+ Encyclopedia of Tourism, Jafar Jafari, Honggen Xiao (2016), Springer International Publishing. (Bách khoa toàn thư về du lịch, Jafar Jafari, Honggen Xiao (2016), NXB Springer).

+ Encyclopedia of Tourism and Recreation in Marine Environments, Michael Lück (2008), Cabi. (Bách khoa toàn thư về du lịch và vui chơi giải trí biển, Michael Lück (2008), NXB Cabi).

4.2. Sử dụng kết quả thảo luận tại các cuộc họp Ban biên soạn trong quá trình soạn thảo, hoàn thiện dự thảo và thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn quốc gia.

Trong quá trình biên soạn, hoàn thiện Dự thảo và Thuyết minh dự thảo TCVN, các cuộc họp của đầy đủ các thành viên Ban biên soạn và chuyên gia được thực hiện nhằm xây dựng nội dung dự thảo TCVN. Các kết quả đạt được là thống nhất các hoạt động chương trình làm việc, các nội dung của TCVN, hệ thống từ vựng trong TCVN, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo theo ý kiến đóng góp.

Các ý kiến thống nhất về cấu trúc, ngôn ngữ sử dụng, nội dung của dự thảo tiêu chuẩn và thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn quốc gia.

Một số thuật ngữ đều được bàn qua các cuộc họp:

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Tên tiêu chuẩn: Du lịch mạo hiểm – Thuật ngữ và định nghĩa (Adventure tourism – Vocabulary)	Theo tên dự án được phê duyệt
Họp Ban biên soạn sau lấy ý	Du lịch mạo hiểm – Từ vựng	- Các tiêu chuẩn ISO hoặc nước ngoài trước đây thường là: "... - Terminology" nên tên

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
kiến 60 ngày		tiếng Việt thường để là: "... - Thuật ngữ và định nghĩa" - Các tiêu chuẩn ISO hoặc nước ngoài về từ ngữ trong các lĩnh vực trong thời gian gần đây đều là: "... - Vocabulary" và chuyển sang tiếng Việt là "... - Từ vựng". - Kiến nghị, nên đổi tên tiêu chuẩn thành: Du lịch mạo hiểm – Từ vựng. Tuy nhiên, do đây là tên tiêu chuẩn nên cần lấy thêm ý kiến tại Hội nghị chuyên đề
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Du lịch mạo hiểm – Từ vựng	- Thống nhất theo nhất trí của đại đa số đại biểu trong Hội nghị chuyên đề tại Hà Nội: đổi tên tiêu chuẩn thành: Du lịch mạo hiểm – Từ vựng - Đề xuất các cấp hội đồng cho phép đổi tên tiêu chuẩn
Hội đồng thống nhất, đánh giá hệ thống sản phẩm dự án	Du lịch mạo hiểm – Từ vựng	Kiến nghị Hội đồng thẩm tra của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, xem xét sửa đổi tên TCVN "Du lịch mạo hiểm - Thuật ngữ và định nghĩa" thành "Du lịch mạo hiểm - Từ vựng"
Hội đồng thẩm tra	Du lịch mạo hiểm – Từ vựng	Thống nhất việc đổi tên tiêu chuẩn thành: Du lịch mạo hiểm - Từ vựng
	3.1 Abseiling Rappelling <i>Adventure tourism activity (3.4) with rope-descending techniques, using specific equipment and procedures.</i>	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Đu dây mạo hiểm	Đây là hoạt động mạo hiểm mới du nhập vào Việt Nam, do vậy, chưa có từ tiếng Việt chuẩn cho từ này
	<i>Hoạt động du lịch mạo hiểm (3.4) với kỹ thuật đu xuống bằng dây, sử dụng các thiết bị và quy trình cụ thể</i>	specific = cụ thể, theo văn phong thường dùng của tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Đu dây xuống vách	Hoạt động đu dây chuyên chỉ đu từ trên cao xuống và dựa vào các loại vách khác nhau (vách núi, vách đá, vách tường...)
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị	Đu dây xuống vách đứng	Làm rõ nghĩa hơn đặc điểm của vách là dốc thẳng đứng

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
chuyên đề	Phần tiếng Anh: “Rappeling” sửa thành “Rappelling” (có 2 chữ “l”)	<ul style="list-style-type: none"> - Phiên bản ISO tiếng Anh là: Rappeling (1 chữ “l”) - Từ “Abseiling” thường sử dụng nhiều ở khu vực Châu Âu, “Rappeling” dùng phổ biến ở Mỹ. Xu hướng tiếng Anh Mỹ thường giản lược bớt chữ lặp lại. - Tham khảo từ điển Oxford hoặc Cambridge hoặc Collins, đều dùng từ “rappelling”, tức là có 2 chữ “l”. Nhưng tham khảo từ điển WordWeb Online: rappelling or [US] rappeling, tức là có 2 cách sử dụng. - Nguyên tắc áp dụng chỉ nhân đôi “l” nếu từ đó có trọng âm rơi vào âm tiết cuối. Theo từ điển Cambridge, rappel /ræp’el/ và “rappelling” /ræp’el.ɪ/ /ræp’el.ɪ/ => trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai - Đồng thời theo ý kiến của đại biểu tại Hội nghị chuyên đề => Sửa thành “rappelling”
	... sử dụng các thiết bị chuyên dụng và thực hiện theo quy trình cụ thể.	văn phong trong doanh nghiệp du lịch thường dùng là: “thiết bị chuyên dụng” thay cho “thiết bị cụ thể”
Hội đồng thẩm tra	Du dây xuống vách	Tên thuật ngữ cần có độ bao quát. Trong nhiều trường hợp vách không thẳng đứng 90 ⁰ mà có thể hơi lồi, cũng thuộc nhóm hoạt động này
	3.3 Adventure speleotourism	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Khám phá hang động mạo hiểm	
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Du lịch hang động mạo hiểm	Rà soát toàn bộ dự thảo TCVN, tourism = du lịch
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Du lịch hang động mạo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ nguyên từ theo cách tiếp cận: Du lịch hang động có hình thức bình thường, chỉ đi vào tham quan và loại mạo hiểm. Đồng thời, về mặt tiếng Anh sẽ phù hợp hơn vì “speleotourism” là 1 từ ghép “du lịch hang động”. - Nghĩa từ “khám phá” không rõ ràng trong ngành du lịch vì chưa được định nghĩa chính

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình		
		<p>xác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 có cụm từ: Thám hiểm hang động. Tuy nhiên, “Thám hiểm” thường chỉ một dạng mức độ khó cao của mạo hiểm và mang tính chất tìm hiểu, nghiên cứu hơn là mục đích du lịch. Cụm từ “Du lịch hang động mạo hiểm” chính xác hơn. - Quan điểm: từ và định nghĩa không trái với Luật, nội dung vẫn tuân thủ theo Luật nhưng không nhất thiết phải sử dụng y hệt như trong Luật. 		
	<p>3.4 Adventure tourism activity Adventure activity for tourism purposes that involves a degree of instruction or leadership, safety management and an accepted inherent risk.</p>			
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Hoạt động mạo hiểm với mục đích du lịch bao gồm sự hướng dẫn hoặc dẫn dắt ở một mức độ nhất định, quản lý an toàn và chấp nhận sự rủi ro vốn có.			
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	<p>Hoạt động mạo hiểm với mục đích du lịch, cần có sự hướng dẫn hoặc dẫn dắt ở một mức độ nhất định, có sự quản lý an toàn và có rủi ro nội tại được chấp nhận.</p> <p>CHÚ THÍCH 1: Rủi ro nội tại được chấp nhận có nghĩa là người tham gia (3.30) có hiểu biết nhất định về các rủi ro có liên quan.</p>	<p>- Tách ra làm 3 ý “có...”</p> <ul style="list-style-type: none"> + có sự hướng dẫn hoặc dẫn dắt... + có sự quản lý an toàn + có rủi ro... <p>để diễn giải rõ ràng hơn do tại hội nghị chuyên đề có ý kiến cho là hơi khó hiểu</p> <p>- Rà soát, so sánh định nghĩa TCVN 12592:2018 (ISO 21101:2014) Du lịch mạo hiểm – Hệ thống quản lý an toàn – Các yêu cầu, tại điều 3.35 Hoạt động du lịch mạo hiểm (adventure tourism activity) giữa tiếng Việt và tiếng Anh</p> <table border="1" data-bbox="815 1899 1455 2076"> <tr> <td>Hoạt động mạo hiểm với mục đích du lịch, cần có sự hướng dẫn hoặc dẫn</td> <td>Adventure activity for tourism purposes that involves a degree of</td> </tr> </table>	Hoạt động mạo hiểm với mục đích du lịch, cần có sự hướng dẫn hoặc dẫn	Adventure activity for tourism purposes that involves a degree of
Hoạt động mạo hiểm với mục đích du lịch, cần có sự hướng dẫn hoặc dẫn	Adventure activity for tourism purposes that involves a degree of			

Họ Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình	
		đặt ở một mức độ nhất định và <u>có mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận</u> được.	instruction or leadership and a <u>deliberate accepted element of risk</u> .
		CHÚ THÍCH 1: Mức độ rủi ro chấp nhận được nghĩa là người tham gia có sự hiểu biết tối thiểu về các rủi ro có liên quan.	Note 1 to entry: An <u>accepted element of risk</u> means that the participant has a <u>minimum understanding</u> about the risk involved).
		=> trong định nghĩa chỉ có 2 ý “có...” - So sánh ISO 3163:2022 và ISO 21101:2014:	
		ISO 3163:2022	ISO 21101:2014
		Adventure activity for tourism purposes that involves a degree of instruction or leadership, <u>safety management</u> and an <u>accepted inherent risk</u> .	Adventure activity for tourism purposes that involves a degree of instruction or leadership and a <u>deliberate accepted element of risk</u> .
		Note 1 to entry: An <u>accepted inherent risk</u> means that the <i>participant</i> (3.30) has a <u>reasonable understanding</u> about the risk involved	Note 1 to entry: An <u>accepted element of risk</u> means that the participant has a <u>minimum understanding</u> about the risk involved).
		=> như vậy định nghĩa của dự thảo tiêu chuẩn này đã được sửa đổi so với TCVN 12592:2018 (ISO 21101:2014) ở 3 nội dung: + thêm “safety management” + thay “a deliberate accepted element of risk” thành “an accepted inherent risk” + thay “minimum understanding” thành “reasonable understanding”	
Hội đồng thẩm	Hoạt động mạo hiểm	- Bỏ bớt từ “có” lặp lại nhiều lần	

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
tra	với mục đích du lịch, cần có hướng dẫn hoặc dẫn dắt ở một mức độ nhất định, có quản lý an toàn và rủi ro tiềm ẩn được chấp nhận.	- Sửa “rủi ro nội tại” thành “rủi ro tiềm ẩn” vì đó là những rủi ro không nhìn thấy được
	3.7 Bungee jump Bungy jump <i>Adventure tourism activity (3.4) which involves a person free-falling from a height with their descent limited by attachment to the bungee jump cord.</i>	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Nhảy từ trên cao xuống với dây buộc vào người; Nhảy bungee	- Đây là hoạt động mạo hiểm mới du nhập vào Việt Nam, do vậy, chưa có từ tiếng Việt chuẩn cho từ này - Diễn tả dài nhưng đủ nghĩa
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Rơi tự do Nhảy bungee	- Diễn tả ngắn gọn lại và khái quát hóa hoạt động do có nhiều ý kiến là thuật ngữ quá dài - Tại Việt Nam, cụm từ “Nhảy bungee” khá phổ biến nhưng cụm từ “Nhảy bungy” gần như không thấy xuất hiện
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Nhảy xuống với dây đàn hồi Nhảy bungee Nhảy bungy	- “Rơi tự do” không được nhất trí do không diễn tả chính xác hoạt động theo ý kiến tại Hội nghị chuyên đề - Thuật ngữ tiếng Việt hơi dài nhưng diễn tả đúng hoạt động - Sử dụng cả 3 thuật ngữ để diễn tả, đảm bảo tính tương đương
	3.8 Canoeing <i>Adventure tourism activity (3.4) using a canoe for paddling across a body of water.</i> Note 1 to entry: Canoes are generally propelled with single-bladed paddles.	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Chèo xuồng	Đây là hoạt động chỉ việc chèo thuyền/xuồng (mạo hiểm) nói chung

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Chèo thuyền canoe	<p>Đề nguyên từ “canoe” để chỉ tên một loại thuyền, chứng minh qua một số văn bản như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Theo thông tư số 22/2014/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2014 Quy định một số nội dung quản lý hoạt động tổ chức thi đấu đua thuyền Rowing, Canoe và Thuyền truyền thống + Theo thông tư số 04/2019/TT-BVHTTDL ngày 17/7/2019 Ban hành Danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, Danh mục hoạt động thể thao mạo hiểm, Tại danh mục hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện, mục 9, có nêu môn thể thao: Đua thuyền Rowing, Canoe và thuyền truyền thống
	<p>Chú thích 2: Hoạt động du lịch mạo hiểm tương tự chèo thuyền canoe còn có chèo thuyền kayak với mái chèo hai lưỡii hoặc chèo ván đứng trong tư thế đứng.</p>	<p>Bổ sung thêm Chú thích 2 do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - thực tế tại Việt Nam, trong các khu du lịch, hoạt động chèo thuyền kayak là chủ yếu - tiếp thu chỉnh sửa ý kiến góp ý 60 ngày
Hội đồng thẩm tra	Bỏ chú thích 2	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn toàn tương đương với ISO 3163 - Chưa có đánh giá kỹ thuật cụ thể đối với hoạt động chèo thuyền 2 lưỡii hoặc ván đứng
	<p>3.10 Canyoning <i>Adventure tourism activity (3.4) in ascending or descending, wet or dry courses, usually in canyons, progressing through aquatic or vertical obstacles.</i> Note 1 to entry: In wet courses, water can be intermittent. Note 2 to entry: A water course may contain waterfalls. Note 3 to entry: Cascading is a term used for the descent of one particular</p>	

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
	waterfall.	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Vượt hẻm vực	- Do canyon = hẻm vực và - thuật ngữ tại điều 3.9 Canyoneering = Canyon+eering (là hậu tố chỉ tinh kỹ thuật) = Vượt hẻm vực yêu cầu kỹ thuật
	Chú thích 3: <u>Xếp tầng</u> là thuật ngữ được sử dụng để chỉ việc đu xuống một thác nước cụ thể	Chưa tìm được từ phù hợp chính xác diễn tả từ “Cascading”
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Vượt thác	- Theo tiếp thu ý kiến góp ý 60 ngày - Phân tích sự khác biệt giữa 3.9 và 3.10 + 3.9 Canyoneering = Vượt hẻm vực (thường là hẻm vực khô) + 3.10 Canyoning là hẻm vực thường có nước và ẩm ướt
	Chú thích 3: Đổ thác là thuật ngữ ...	- Từ “đổ thác” có vẻ khá phù hợp nhưng nên lấy thêm ý kiến tại Hội nghị chuyên đề
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Vượt thác <i>Hoạt động du lịch mạo hiểm (3.4) leo lên hoặc xuống theo các dòng chảy có nước hoặc cạn, thường trong hẻm vực, vượt qua các chướng ngại vật ở dưới nước hoặc chướng ngại vật dốc đứng.</i>	- Chú thích 2 và chú thích 3, diễn tả rõ nghĩa là có hoạt động vượt thác. - Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 có cụm từ: “đu dây vượt thác” - Các hoạt động thường có trong “vượt thác”, có thể bao gồm: đu dây xuống vách đứng (rappelling): Đu dây xuống các vách đá nằm trên dòng chảy hoặc thác nước; Bơi: Bơi qua các hồ nước và dòng suối; Nhảy từ trên cao xuống nước (jumping): Nhảy xuống các hồ nước sâu; Trượt đá (sliding): Trượt xuống các mỏm đá đã được dòng nước mài nhẵn. => “Vượt thác” bao gồm cả đu dây và các hoạt động khác. Do vậy để nguyên từ “vượt thác”.
	CHÚ THÍCH 3: Kỹ thuật xuống thác nước là thuật ngữ được sử dụng để chỉ việc di chuyển xuống theo dòng chảy của một tầng thác nước cụ thể.	- Từ “Đổ thác” không thuyết phục với các lý do sau: + “Đổ thác” thường liên tưởng với hoạt động tương tự như đổ đèo hoặc đổ dốc (người phải ngồi trên phương tiện để đổ đèo, không thể đi bộ mà đổ đèo) - “Đổ thác” có thể hiểu nhầm sang hoạt động người ngồi trên phương tiện (như xuống, thuyền phao) lao xuống cùng dòng thác trong hoạt động chèo thuyền vượt thác ghềnh - Từ gốc “cascade” được hiểu là (các) tầng thác. Thường trong 1 thác nước sẽ có một vài tầng thác (tức thác nước con) cụ thể

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
		- Cascading là hoạt động đi xuống một tầng thác nước cụ thể đòi hỏi kỹ thuật nhất định
	3.17 Free time	
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Thời gian tự do	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với TCVN 12594:2018 (ISO 21103:2014) Du lịch mạo hiểm – Thông tin cho những người tham gia, điều 2.7 free time = thời gian rỗi - Tuy nhiên, “thời gian rỗi” có thể hiểu theo khái niệm bao quát hơn. Thời gian rỗi (leisure time): chỉ khoảng thời gian mà một cá nhân không bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ công việc, học tập hoặc các trách nhiệm thiết yếu khác. Nó là thời gian để nghỉ ngơi, giải trí và làm những điều mình thích. Trong du lịch, thời gian rỗi là khoảng thời gian rộng hơn, bao gồm toàn bộ kỳ nghỉ. - Trong ngữ cảnh hợp đồng du lịch, sử dụng từ “thời gian tự do” sẽ chính xác hơn, đề cập đến khoảng thời gian khách du lịch tự do hoạt động ngoài chương trình du lịch đã được lên kế hoạch và thanh toán. Đây là khoảng thời gian khách có thể dùng để tự do mua sắm, ăn uống, đi dạo, nghỉ ngơi hoặc khám phá riêng theo ý thích cá nhân. Nói chính xác hơn, đó là khoảng thời gian không có hoạt động tập thể đã được lên lịch trình sẵn, cho phép du khách linh hoạt lựa chọn hoạt động riêng. - Văn phong tiếng Việt của công ty lữ hành thường sử dụng từ “thời gian tự do” nhiều
	3.18 High rope course	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Hành trình đi dây trên cao	- Lâm Đồng là nơi đầu tiên có hoạt động này và gọi là “Hành trình trên cao”
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Hành trình đu dây mạo hiểm trên cao	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 có cụm từ: Đu dây mạo hiểm hành trình trên cao - Quan điểm: từ và định nghĩa không trái với Luật, nội dung vẫn tuân thủ theo Luật nhưng không nhất thiết phải sử dụng y hệt như trong Luật. Chính sửa lại thành: “Hành trình đu dây mạo hiểm trên cao” phù hợp và chính xác hơn
Hội đồng thẩm tra	Đu dây trên cao	Diễn tả theo văn phong tiếng Việt

Hợp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
	3.21 Bên quan tâm (Interested party)	
Hợp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Chú thích 1: Đôi khi, bên quan tâm có thể được coi là bên liên quan	<p>Bổ sung thêm “chú thích 1: Đôi khi, bên quan tâm có thể được coi là bên liên quan” để phù hợp với ISO mới hơn. Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 định nghĩa riêng cho 2 thuật ngữ “bên quan tâm” và “bên liên quan” để phân biệt 2 thuật ngữ này. Tuy nhiên, trong một số bối cảnh, bên quan tâm, còn được gọi là bên liên quan. - Tiếp thu ý kiến tại hội nghị chuyên đề: cảm thấy định nghĩa 3.21 và 3.38 hơi khó hiểu. - Tham khảo ISO 11956:2025 Adventure tourism - Cyclotourism, điều 3.15, “Interested party” được định nghĩa: person or organization that can affect, be affected by, or perceive itself to be affected by a decision or activity <p>Note 1 to entry: Sometimes, interested party can be considered as a stakeholder.</p> <p>[SOURCE: ISO 3163:2022, 3.21, modified — Note 1 to entry has been added.]</p>
Hội đồng thẩm tra	Bỏ chú thích 1	- Hoàn toàn tương đương với ISO 3163
	3.22 Itinerary Description of the component parts involved in the <i>adventure tourism activity</i> (3.4), listing times, locations and activities.	
Hợp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Lịch trình	<ul style="list-style-type: none"> - Đối chiếu với TCVN 12594:2018 (ISO 21103:2014) Du lịch mạo hiểm – Thông tin cho những người tham gia, điều 2.3, phần thuật ngữ: Itinerary = hành trình - Hành trình diễn tả về tuyến đường (tức là lộ trình/ route) - Lịch trình (liên quan đến thời gian) và lộ trình (liên quan đến tuyến đường). Do vậy dùng từ “Lịch trình” chính xác hơn.
	, liệt kê theo	- Cũng đối chiếu với TCVN 12594:2018

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
		(ISO 21103:2014) Du lịch mạo hiểm – Thông tin cho những người tham gia, điều 2.3, phân định nghĩa: Việc mô tả các yếu tố cấu thành hoạt động du lịch mạo hiểm, thời gian, địa điểm và các hoạt động (không dịch từ “listing”). - Tuy nhiên cần bổ sung thêm cụm từ “liệt kê theo” để tiếng Việt rõ nghĩa hơn
	3.24 Leader	
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Người hướng dẫn	<p>Phân tích đề cần nhắc lựa chọn giữa 2 từ “Người hướng dẫn” hoặc “Trưởng nhóm”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chuyến du lịch mạo hiểm thường có từ hai người dẫn đoàn trở lên trong một số trường hợp: nhóm lớn, các hoạt động thử thách và rủi ro cao, cần chuyên môn đặc biệt tại các địa điểm cụ thể, và để tăng cường an toàn và quản lý hậu cần. + Quy mô nhóm: Nhiều công ty hoạt động với tỷ lệ người dẫn đoàn trên người tham gia (ví dụ: 2:12 hoặc 2:16) để đảm bảo tất cả người tham gia được giám sát và hỗ trợ đầy đủ, đặc biệt là trong điều kiện xa xôi hoặc khó khăn. + An toàn và quản lý rủi ro: Trong các hoạt động rủi ro cao như leo núi đá, chèo thuyền vượt ghềnh thác hoặc các chuyến đi bộ đường dài trong vùng hoang dã, nhiều người dẫn đoàn cho phép đánh giá rủi ro tốt hơn, lập kế hoạch dự phòng và khả năng xử lý tình huống khẩn cấp trong khi người kia tiếp tục dẫn dắt phần còn lại của nhóm. Hậu cần và Hỗ trợ: Một người hướng dẫn quản lý toàn bộ hậu cần (vận chuyển, chỗ ở, ăn uống), trong khi các “hướng dẫn viên du lịch” địa phương có giấy phép chính thức và kiến thức chuyên môn cụ thể sẽ tham gia cùng nhóm cho các hoạt động hoặc địa điểm cụ thể (ví dụ: một nhà Ai Cập học tại một di tích lịch sử, một hướng dẫn viên leo núi địa phương cho một chuyến leo núi cụ thể). + Cần nhiều kỹ năng đa dạng: Các hướng dẫn viên khác nhau có thể có các loại chuyên môn khác nhau. Một người có thể là chuyên gia sơ cứu trong vùng hoang dã, người khác là chuyên gia định hướng, và người thứ ba là

Hợp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
		<p>chuyên gia về ngôn ngữ và văn hóa địa phương, kết hợp các kỹ năng để xử lý các tình huống bất ngờ.</p> <p>+ Quản lý động lực nhóm: Với nhiều hướng dẫn viên, một người có thể tập trung vào trải nghiệm và tinh thần chung của nhóm trong khi người khác xử lý các nhiệm vụ kỹ thuật hoặc an toàn quan trọng. Điều này cũng giúp quản lý các nhu cầu và khả năng khác nhau của người tham gia, đảm bảo mọi người đều có trải nghiệm tích cực.</p> <p>+ Yêu cầu pháp lý/quy định: Ở một số quốc gia hoặc đối với một số hoạt động nhất định, các quy định có thể yêu cầu tỷ lệ hướng dẫn viên trên khách hàng cụ thể hoặc yêu cầu sử dụng hướng dẫn viên địa phương được cấp phép chính thức cho một số khu vực nhất định, đòi hỏi có nhiều hơn một người hướng dẫn.</p> <p>- Đối chiếu tiêu chuẩn TCVN 12593:2018 Du lịch mạo hiểm - Người hướng dẫn – Năng lực cá nhân (ISO 21102 Adventure tourism - Leaders - Personnel competence), sử dụng Leaders = Người hướng dẫn</p> <p>- Nếu leader = trưởng nhóm thì có thể được hiểu dưới cấp còn có hướng dẫn viên (bình thường) và trợ lý. Đọc kỹ lại tiêu chuẩn TCVN 12593:2018 (ISO 21102), gọi ông này là “leader” là chuẩn vì ông này sẽ quyết định những thay đổi lộ trình của chuyến đi tùy thuộc vào điều kiện thời tiết hoặc tình trạng sức khỏe của người tham gia, trong điều kiện có thể không liên lạc được với người quản lý tại công ty...Các yêu cầu đối với người leader này là các khả năng/kỹ năng lãnh đạo đối với nhóm người tham gia (tức là nhóm khách hàng), không thấy bất cứ đề cập nào đến khả năng/kỹ năng lãnh đạo đối với những người hướng dẫn viên khác.</p> <p>=> Về bản chất, leader = người hướng dẫn thôi</p>
Hội đồng thẩm tra	Trưởng nhóm	Người có khả năng lãnh đạo, dẫn dắt nhóm, ra những quyết định trong các tình huống tại hiện trường mà có thể không có sự trợ giúp từ xa

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
	3.29 Parasailing	
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Bay dù kéo	Từ: “Bay dù kéo” được thống nhất cao qua các lần họp và lấy ý kiến - Đối chiếu Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 có cụm từ: ca nô kéo dù bay. - Vẫn giữ nguyên từ “Bay dù kéo” và bỏ từ “ca nô” vì ngoài ca nô, còn có nhiều loại thuyền kéo dù khác như: Winch Boats (thuyền có tời kéo được đóng mới chuyên cho mục đích kéo dù bay), Thuyền hai thân (áp dụng hiệu quả trng điều kiện sóng gió do có tính ổn định tốt), Thuyền có buồng lái trung tâm, thường là thuyền đơn thân (ca nô nằm trong nhóm thuyền này). - Từ “bay dù kéo” vẫn đảm bảo được nghĩa của từ, và không trái với Nghị định. “Ca nô kéo dù bay” là một nhánh nhỏ trong “bay dù kéo”
	3.31 Rafting	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Chèo thuyền vượt ghềnh	Hoạt động này chủ yếu diễn ra ở khu vực ghềnh, là đoạn dòng chảy (thường là sông) bị thu hẹp và nông, có đá lóm chồm nằm chắn ngang, nước chảy xiết, tạo sóng nhưng không đổ thẳng đứng như thác. Độ dốc của ghềnh thường nhỏ hơn 30°
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Chèo thuyền vượt ghềnh thác	- Bổ sung thêm khu vực thác để đảm bảo tính bao phủ của hoạt động - Đối chiếu Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 có cụm từ: Chèo thuyền vượt ghềnh thác
	3.46 Trekking	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Đi bộ khám phá nơi hoang dã; Trekking	Để cả tiếng Việt và tiếng Anh trong phần tiếng Việt
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Đi bộ đường dài mạo hiểm Trekking	- Để đảm bảo yếu tố đi bộ đường dài, giống như hiking (đi bộ đường dài) - Để đảm bảo yếu tố mạo hiểm, khó khăn hơn so với hiking
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Đi bộ đường dài mạo hiểm	Bỏ từ “trekking” bên phần tiếng Việt, vì đã có từ “trekking” bên phần tiếng Anh rồi
	3.47 Vertical speleotourism	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Khám phá hang động theo chiều thẳng đứng	- Đây là hoạt động mạo hiểm mới du nhập vào Việt Nam, do vậy, chưa có từ tiếng Việt chuẩn cho từ này

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
		- Dùng từ “Khám phá hang động” để thống nhất từ với điều 3.3 (Khám phá hang động) tại thời điểm đó
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Khám phá hang động theo chiều thẳng đứng	- Thuật ngữ quá dài, xin ý kiến tại Hội nghị chuyên đề có nên sửa thành: “Khám phá hang động thẳng đứng” Lý do: Trong phân loại hang động, chia ra hang động thẳng đứng và hang động nằm ngang. Mỗi loại hang động khác nhau áp dụng các kỹ thuật đi vào hang khác nhau. Hang động thẳng đứng áp dụng các thiết bị chuyên dụng và kỹ thuật di chuyển theo chiều thẳng đứng để tiếp cận. Do vậy, có nên rút gọn thuật ngữ lại không? - Yêu cầu rà soát thống nhất với điều 3.3 sửa thành “Du lịch hang động mạo hiểm” = Adventure speleotourism
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Du lịch hang động phương thẳng đứng	- speleotourism = du lịch hang động để thống nhất với điều 3.3 - bỏ bớt từ “theo” để thuật ngữ đỡ dài mà vẫn đảm bảo đủ nghĩa - “theo phương thẳng đứng” và “theo chiều thẳng đứng” có thể hiểu là đồng nghĩa, chỉ một chuyển động hoặc một vị trí nằm trên trục dọc của hệ tọa độ. Tuy nhiên, trong một số ngữ cảnh, “phương” có thể nhấn mạnh vào hướng không gian, trong khi “chiều” nhấn mạnh vào hướng cụ thể của chuyển động. Trong bối cảnh của định nghĩa: các hoạt động bao gồm cả lên và xuống. Vậy nên chọn từ “phương” để có tính bao quát hơn
	3.49 Wild safari	
Họp Ban biên soạn trước lấy ý kiến 60 ngày	Thám hiểm cuộc sống hoang dã	Đây là hoạt động mạo hiểm mới du nhập vào Việt Nam, do vậy, chưa có từ tiếng Việt chuẩn cho từ này
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Khám phá đời sống hoang dã	- “Thám hiểm” sẽ nhấn mạnh vào địa điểm là vùng đất mới là mức độ mạo hiểm cao nhất. - Trong trường hợp du lịch, nên chọn “Khám phá đời sống hoang dã” hơn là “thám hiểm đời sống hoang dã”. - Xin ý kiến tại hội nghị chuyên đề
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Quan sát động, thực vật hoang dã	- Tiếp thu, chỉnh sửa theo ý góp ý tại hội nghị chuyên đề: đời sống hoang dã có thể bao gồm cả con người trong khi đối tượng chính ở đây chỉ là động, thực vật - Safari theo nghĩa gốc bao gồm: xem, quan

Họp Ban biên soạn	Nội dung thuật ngữ	Lý do/ giải trình
		sát, chụp ảnh và săn bắn. Nhưng trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững hiện nay, gần như không còn săn bắn và tại Việt Nam cấm hoạt động đó. Do vậy, chỉ chọn từ “quan sát”
Hội đồng thẩm tra	Quan sát động vật hoang dã	Hoạt động “Wild safari”, chỉ quan sát động vật
	3.52 Zorbing	
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Lăn bóng zorbing	Đây là hoạt động mạo hiểm mới du nhập vào Việt Nam, do vậy, chưa có từ tiếng Việt chuẩn cho từ này
Họp Ban biên soạn sau lấy ý kiến 60 ngày	Lăn bóng zorbing	Để từ ghép bao gồm từ tiếng Việt + từ tên riêng tiếng Anh
Họp Ban biên soạn sau Hội nghị chuyên đề	Chơi bóng đụng	- “Lăn bóng zorbing” được thống nhất qua các lần họp và lấy ý kiến - Tuy nhiên, có rất nhiều từ tiếng Việt khác nhau mô tả hoạt động này nhưng chưa diễn tả được chính xác và khái quát nhất. Do vậy, chọn một từ điển hình nhất là “Bóng đụng”. Bổ sung thêm từ “chơi” để diễn tả đây là hoạt động chứ không phải danh từ chỉ quả bóng.

Có biên bản các cuộc họp Ban biên soạn.

4.3. Tiếp thu các ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và chuyên gia đối với dự thảo TCVN và thuyết minh dự thảo TCVN sau 60 ngày gửi hồ sơ và đăng tải trên mạng thông tin của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (nay là Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam) đã gửi Dự thảo và Thuyết minh Dự thảo TCVN lần 1, Bản sao tài liệu gốc được sử dụng làm căn cứ để xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia (ISO 3163:2022), Phiếu xin ý kiến góp ý kèm theo Công văn số 4723/BVHTTDL-KHCNMT ngày 29/10/2024, tới 68 cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan.

- Tổng số Phiếu trưng cầu ý kiến nhận được/Tổng số gửi: 62/68.

- Tổng số Phiếu trưng cầu nhất trí/Tổng số Phiếu trưng cầu ý kiến nhận được: 15/62.

- Tổng số Phiếu trưng cầu có đóng góp ý kiến chỉnh sửa/ Tổng số Phiếu trưng cầu ý kiến nhận được: 47/62.

- Đã nhận được phiếu trưng cầu ý kiến của thành viên Ban Kỹ thuật tiêu chuẩn TCVN/ TC 228 Du lịch và các dịch vụ có liên quan, đảm bảo theo đúng quy định.

- Các ý kiến góp ý đều thống nhất: việc xây dựng dự thảo TCVN trên cơ sở chấp nhận tiêu chuẩn ISO 3163:2022 là phù hợp và cần thiết tại Việt Nam.

- Có bản tổng hợp ý kiến góp ý và giải trình tiếp thu.

4.4. Sử dụng kết quả Hội nghị chuyên đề tại Lâm Đồng và Hà Nội.

- 12 nội dung chính được tập trung thảo luận xin ý kiến trong Hội nghị chuyên đề.

Điều khoản của dự thảo	Nội dung dự thảo TCVN lần 2	Nội dung đang cân nhắc sẽ chỉnh sửa
Tên tiêu chuẩn	Du lịch mạo hiểm – Thuật ngữ và định nghĩa (Adventure tourism – Vocabulary)	Du lịch mạo hiểm – Từ vựng (Adventure tourism – Vocabulary)
3.3	Du lịch hang động mạo hiểm	Khám phá hang động mạo hiểm
3.7	Rơi tự do Nhảy bungee	Rơi tự do
3.10 Chú thích 3	Đổ thác là thuật ngữ được sử dụng để chỉ việc đu xuống một thác nước cụ thể	Đu dây vượt thác là thuật ngữ được sử dụng để chỉ việc đu xuống một thác nước cụ thể
3.19	Đi bộ đường dài Hiking	Đi bộ đường dài
3.46	Đi bộ đường dài mạo hiểm Trekking	Trekking
3.46	Đi bộ đường dài mạo hiểm Trekking	Đi bộ đường dài khám phá Trekking
3.47	Khám phá hang động theo chiều thẳng đứng	Khám phá hang động thẳng đứng
3.49	Khám phá đời sống hoang dã	Khám phá cuộc sống hoang dã
3.49	Hoạt động du lịch mạo hiểm (3.4) để khám phá đời sống hoang dã...	Hoạt động du lịch mạo hiểm (3.4) để trải nghiệm đời sống hoang dã...
3.51	Trượt cáp Trượt zipline	Trượt cáp
3.51	Trượt cáp Trượt zipline	Trượt zipline

- Các ý kiến đều thống nhất cao dự thảo tiêu chuẩn Du lịch mạo hiểm – Thuật ngữ và định nghĩa (trên cơ sở chấp nhận hoàn toàn tương đương ISO 3163:2022) là phù hợp và cần thiết tại Việt Nam.

- Hội nghị chuyên đề tại Hà Nội thống nhất ý kiến: Kiến nghị đổi tên tiêu chuẩn quốc gia: “Du lịch mạo hiểm – Thuật ngữ và định nghĩa” thành “Du lịch mạo hiểm – Từ vựng”.

- Có bản tổng hợp ý kiến góp ý và giải trình tiếp thu.

4.5. Tiếp thu ý kiến hợp thống nhất, đánh giá hệ thống sản phẩm dự án.

- Chỉnh sửa theo các ý kiến của các chuyên gia.

+ Về Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia nhận được 09 ý kiến góp ý. Ban biên soạn đã tiếp thu và chỉnh sửa: 09 ý kiến.

+ Về Hồ sơ dự án xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia nhận được 10 ý kiến góp ý. Ban biên soạn đã tiếp thu và chỉnh sửa: 10 ý kiến.

+ 100% các chuyên gia có mặt đều nhất trí thông qua sản phẩm dự án sau khi hoàn thiện lại các sản phẩm dự án theo góp ý của các chuyên gia.

- Có bản tổng hợp ý kiến góp ý và giải trình tiếp thu.

4.6. Tiếp thu ý kiến Hội đồng thống nhất, đánh giá hệ thống sản phẩm và thông qua dự án cấp cơ sở

- Chỉnh sửa theo các ý kiến của thành viên Hội đồng.

+ Về Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia nhận được 19 ý kiến góp ý. Ban biên soạn đã tiếp thu và chỉnh sửa: 14 ý kiến và bảo lưu 05 ý kiến dựa trên những sở cứ khoa học.

+ Về Hồ sơ dự án xây dựng Tiêu chuẩn quốc gia nhận được 12 ý kiến góp ý. Ban biên soạn đã tiếp thu và chỉnh sửa: 12 ý kiến.

+ 100% các chuyên gia có mặt đều nhất trí gửi Hồ sơ dự án xây dựng tiêu chuẩn quốc gia lên Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị thành lập Hội đồng thẩm tra sau khi hoàn thiện lại các sản phẩm dự án theo góp ý của các chuyên gia tại buổi họp.

- Có bản tổng hợp ý kiến góp ý và giải trình tiếp thu.

5. Nội dung tiêu chuẩn quốc gia

Nội dung chính của dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia “*Du lịch mạo hiểm – Từ vựng*” gồm:

Lời nói đầu

Lời giới thiệu

1. Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này quy định các thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong nhiều loại hình hoạt động du lịch mạo hiểm khác nhau, bao gồm các thuật ngữ liên quan đến an toàn và dịch vụ.

2. Tài liệu viện dẫn: Trong tiêu chuẩn này không có tài liệu nào được viện dẫn.

3. Thuật ngữ và định nghĩa

Các thuật ngữ được sắp xếp theo thứ tự chữ cái tiếng Anh theo tài liệu ISO 3163:2022 do xây dựng theo phương pháp hoàn toàn tương đương, tuy nhiên, về nội dung có thể phân ra theo một số nhóm chính:

- Nhóm thuật ngữ chung.
- Nhóm thuật ngữ tổ chức/cá nhân tham gia du lịch mạo hiểm.
- Nhóm thuật ngữ các hoạt động du lịch mạo hiểm trên cạn.
- Nhóm thuật ngữ các hoạt động du lịch mạo hiểm trên không.
- Nhóm thuật ngữ các hoạt động du lịch mạo hiểm dưới nước.
- Nhóm thuật ngữ liên quan đến an toàn du lịch mạo hiểm, kỹ thuật, phương tiện hỗ trợ.

Phụ lục A (tham khảo) Từ vựng sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái

A.1 Bảng tra cứu thuật ngữ theo thứ tự chữ cái tiếng Việt

A.2 Bảng tra cứu thuật ngữ theo thứ tự chữ cái tiếng Anh

A.3 Bảng tra cứu thuật ngữ theo thứ tự chữ cái tiếng Pháp

Thư mục tài liệu tham khảo

6. Bảng đối chiếu nội dung tiêu chuẩn quốc gia với tài liệu ISO 3163:2022

- Đối chiếu nội dung tiêu chuẩn quốc gia TCVN xxxx:xxxx, *Du lịch mạo hiểm – Từ vựng* với ISO 3163:2022

Nội dung tiêu chuẩn quốc gia	Tài liệu tham khảo		Phương thức thực hiện
	ISO 3163:2022 (Phiên bản tiếng Anh)	ISO 3163:2022 (Phiên bản tiếng Pháp)	
Tên tiêu chuẩn: Du lịch mạo hiểm – Từ vựng.	Adventure tourism Vocabulary	Tourisme d'aventure Vocabulaire	Hoàn toàn tương đương
Lời nói đầu	Foreword	Avant-propos	Sửa đổi theo quy định nội dung phần Lời nói đầu của tiêu chuẩn quốc gia
Lời giới thiệu	Introduction	Introduction	Hoàn toàn tương đương
1. Phạm vi áp dụng	Scope	Domaine d'application	Hoàn toàn tương đương
2. Tài liệu viện dẫn	Normative references	Références normatives	Hoàn toàn tương đương
3. Thuật ngữ và định nghĩa	Terms and definitions	Termes et définitions	Hoàn toàn tương đương

Nội dung tiêu chuẩn quốc gia	Tài liệu tham khảo		Phương thức thực hiện
	ISO 3163:2022 (Phiên bản tiếng Anh)	ISO 3163:2022 (Phiên bản tiếng Pháp)	
Phụ lục A (tham khảo) Từ vựng sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái			Bổ sung mới
Thư mục tài liệu tham khảo	Bibliography	Bibliographie	Hoàn toàn tương đương

7. Ngôn ngữ

- Trước đây, các tiêu chuẩn về thuật ngữ của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) thường chỉ thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Anh. Tuy nhiên, trong một vài năm gần đây, riêng đối với các tiêu chuẩn về thuật ngữ được công bố đều thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Pháp. Tiêu ISO 3163:2022 cũng được trình bày bằng 2 phiên bản tiếng Anh (Adventure tourism – Vocabulary) và tiếng Pháp (Tourisme d'aventure — Vocabulaire).

Du lịch là ngành kinh tế có tính hội nhập cao, dễ thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch mạo hiểm quốc tế, công tác đào tạo, khách du lịch quốc tế... cũng như khả năng áp dụng rộng rãi tiêu chuẩn vào trong thực tế, Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam mạnh dạn xây dựng tiêu chuẩn quốc gia được trình bày theo 3 ngôn ngữ: Tiếng Việt, Tiếng Anh và Tiếng Pháp.

- Ngôn ngữ tiếng Anh giữ nguyên nội dung trong ISO 3163:2022 Adventure tourism – Vocabulary (Phiên bản tiếng Anh).

- Ngôn ngữ tiếng Pháp giữ nguyên nội dung trong ISO 3163:2022 Tourisme d'aventure – Vocabulaire (Phiên bản tiếng Pháp).

8. Kiến nghị

- Đổi tên tiêu chuẩn: Du lịch mạo hiểm – Thuật ngữ và định nghĩa (Adventure tourism – Vocabulary) thành Du lịch mạo hiểm – Từ vựng (Adventure tourism – Vocabulary).

- Tiếp tục nghiên cứu, theo dõi một vài thuật ngữ hiện đại mới xuất hiện trong thời gian gần đây, liên quan đến hoạt động du lịch mạo hiểm do các doanh nghiệp du lịch mạo hiểm và điểm đến cung cấp.

- Tiêu chuẩn này sau khi được thẩm định và công bố, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản giao nhiệm vụ cho Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam tuyên truyền, phổ biến tiêu chuẩn để mọi đối tượng liên quan áp dụng sử dụng thuật ngữ.

Trưởng Ban biên soạn



Trần Thị Tuyết Mai